

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIÊN**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Trường	Thành viên
Ông Bùi Văn Tiến	Thành viên
Ông Trần Minh Công	Thành viên
Ông Phan Văn Kiệt	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Thạch Thị Phong Huyền	Trưởng ban
Ông Hồ Ngọc Huy	Thành viên
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Bùi Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Công	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Kiệt	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Bùi Văn Tiến**  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

0112  
CHI  
CỘ  
CH NE  
DEU  
VIỆ  
1-7

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016, từ trang 3 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Lê Đình Tứ**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0488-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 28 tháng 3 năm 2016  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



**Văn Đình Khuê**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1178-2013-001-1

500-06  
NHÂN  
CÔNG TY  
KIỂM HỨ  
OITTE  
VIỆT NAM  
HỒ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN  
ĐVT: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.399.438.793.463</b>	<b>2.102.047.633.535</b>
<b>I. Tiền các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>218.745.939.867</b>	<b>149.602.216.602</b>
1. Tiền	111		113.945.939.867	149.602.216.602
2. Các khoản tương đương tiền	112		104.800.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>177.220.000.000</b>	<b>170.880.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	177.220.000.000	170.880.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.177.181.363.808</b>	<b>1.096.702.236.641</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	824.976.469.410	821.538.262.820
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		50.463.448.602	13.298.252.660
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	8	121.780.616.132	136.806.625.427
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	173.200.000.000	119.200.000.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	6.760.829.664	5.859.095.734
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>685.982.180.322</b>	<b>538.672.087.720</b>
1. Hàng tồn kho	141		698.257.821.612	551.906.261.606
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.275.641.290)	(13.234.173.886)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>140.309.309.466</b>	<b>146.191.092.572</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	822.551.687	18.000.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17	139.282.393.027	143.506.755.990
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	204.364.752	2.666.336.582
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>519.244.361.096</b>	<b>439.879.068.357</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>51.601.190.864</b>	<b>51.431.811.496</b>
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	8	10.997.912.077	10.997.912.077
2. Phải thu dài hạn khác	216	10	40.603.278.787	40.433.899.419
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>233.662.565.501</b>	<b>141.143.373.489</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	232.911.794.310	141.143.373.489
- Nguyên giá	222		683.460.139.537	523.443.529.633
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(450.548.345.227)	(382.300.156.144)
2. Tài sản vô hình	227	13	750.771.191	-
- Nguyên giá	228		14.631.039.376	13.755.352.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.880.268.185)	(13.755.352.625)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>220.879.247.999</b>	<b>233.764.871.384</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		71.625.265.240	71.625.265.240
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		112.588.894.454	112.959.706.094
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		55.253.370.000	70.403.370.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(18.588.281.695)	(21.223.469.950)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.101.356.732</b>	<b>13.539.011.988</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	13.101.356.732	13.539.011.988
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.918.683.154.559</b>	<b>2.541.926.701.892</b>

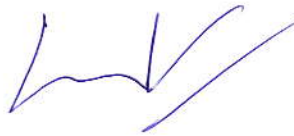
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU B 01-DN**  
ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.273.798.931.860</b>	<b>1.951.605.983.633</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.103.840.775.335</b>	<b>1.754.731.352.569</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.026.341.949.684	837.530.587.096
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		119.114.558.576	116.209.082.202
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	13.967.546.028	26.089.616.876
4. Phải trả người lao động	314		403.989.118.262	317.113.243.743
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		34.788.526.245	9.279.820.835
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		20.983.545.269	4.090.292.714
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.234.089.940	4.069.087.035
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	167.163.642.770	105.500.202.251
9. Vay ngắn hạn	320	19	129.375.598.286	192.237.124.559
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		184.882.200.275	142.612.295.258
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>169.958.156.525</b>	<b>196.874.631.064</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	13.416.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	18	2.493.146.400	15.647.525.564
3. Trái phiếu chuyển đổi	339	20	140.000.000.000	140.000.000.000
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	27.465.010.125	27.811.105.500
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>644.884.222.699</b>	<b>590.320.718.259</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>644.884.222.699</b>	<b>590.320.718.259</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.000.000.000	280.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền	411a		280.000.000.000	280.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.469.859.758	24.469.859.758
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.693.895.152	1.693.895.152
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		337.950.617.195	265.725.215.419
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		769.850.594	18.431.747.930
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		769.850.594	18.431.747.930
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.918.683.154.559</b>	<b>2.541.926.701.892</b>

  
Nguyễn Bích Thủy  
Người lập

  
Nguyễn Trâm Anh  
Kế toán trưởng



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

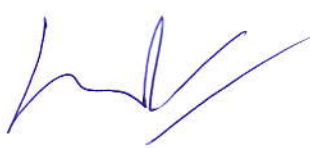
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU B 02-DN**

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		6.314.157.890.195	5.419.580.892.698
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.202.461.455	2.775.896.293
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	6.310.955.428.740	5.416.804.996.405
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		5.715.244.302.027	4.828.967.953.519
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		595.711.126.713	587.837.042.886
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	113.556.764.411	60.691.101.801
7. Chi phí tài chính	22	27	37.396.959.681	27.261.724.163
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.000.145.888	7.000.114.719
8. Chi phí bán hàng	25	30	214.066.362.066	215.967.990.114
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	163.448.924.929	129.337.210.496
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		294.355.644.448	275.961.219.914
11. Thu nhập khác	31	28	12.122.949.944	10.807.812.895
12. Chi phí khác	32	29	4.192.883.774	6.092.551.768
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.930.066.170	4.715.261.127
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		302.285.710.618	280.676.481.041
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	31	61.534.371.364	55.170.179.672
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		<b>240.751.339.254</b>	<b>225.506.301.369</b>


Nguyễn Bích Thủy  
Người lập

Nguyễn Trâm Anh  
Kế toán trưởngBùi Văn Tiến  
Tổng Giám đốc


Ngày 28 tháng 3 năm 2016


1001  
CH  
C  
RÁCH  
ĐE  
V  
VI


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ B 03-DN  
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>302.285.710.618</i>	<i>280.676.481.041</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	83.650.558.717	52.896.672.606
Các khoản dự phòng	03	(3.939.816.226)	4.010.522.082
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	394.613.593	(5.689.195.776)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(64.991.436.787)	(40.492.004.576)
Chi phí lãi vay	06	7.000.145.888	7.000.114.719
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>324.399.775.803</i>	<i>298.402.590.096</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(192.947.461.822)	(368.408.734.598)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(146.351.560.006)	(60.746.735.329)
Thay đổi các khoản phải trả	11	502.361.010.833	197.564.046.820
Thay đổi chi phí trả trước	12	(366.896.431)	395.255.256
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(74.412.670.974)	(63.646.708.101)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(17.516.689.381)	(14.619.691.424)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>395.165.508.022</i>	<i>(11.059.977.280)</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(198.104.232.878)	(58.025.978.581)
2. Tiền thu do thanh lý và nhượng bán tài sản cố định	22	1.123.000.000	297.636.361
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(123.000.000.000)	(178.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	69.000.000.000	138.891.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.000.000.000)	(21.480.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	40.164.561.640	61.680.000.211
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	51.818.236.786	37.687.096.284
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(178.998.434.452)</i>	<i>(19.150.245.725)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	182.388.249.700	279.813.248.794
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(245.249.775.973)	(200.242.889.141)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(84.000.000.000)	(84.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(146.861.526.273)</i>	<i>(4.429.640.347)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>69.305.547.297</i>	<i>(34.639.863.352)</i>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>149.602.216.602</b>	<b>183.298.525.677</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(161.824.032)	943.554.277
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>218.745.939.867</b>	<b>149.602.216.602</b>

  
Nguyễn Bích Thủy  
Người lập

  
Nguyễn Trâm Anh  
Kế toán trưởng

  
Bùi Văn Tiến  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 3 năm 2016



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

## 1. THÔNG TIN CHUNG

### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước “Tổng Công ty May Việt Tiến”, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000342 ngày 21 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300401524 ngày 13 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 280 tỷ đồng và Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Vinatex”) là cổ đông chính của Tổng Công ty.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 8.766 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 7.158 người).

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh sản phẩm dệt may các loại.

Tổng Công ty chuyên ngành chủ yếu là sản xuất và kinh doanh may mặc, cụ thể như sau:

- Sản xuất mua bán sản phẩm dệt may các loại;
- Sản xuất, kinh doanh: nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ ngành dệt may và bao bì, thiết bị điện lạnh dân dụng và công nghiệp;
- Thiết bị điện - âm thanh - ánh sáng;
- Mua bán máy bơm gia dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ giặt, in, thêu và đào tạo cắt may công nghiệp;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, thiết bị, kho bãi; và
- Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa, đại lý tàu biển.

### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 37, một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Vì thế, Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với các khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt niên độ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu.

*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là một công ty mà Tổng Công ty giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá vốn, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá đầu tư (nếu có).

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá đầu tư (nếu có).

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

*Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn*

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là khoản dự phòng lỗ đầu tư tài chính do hoạt động kinh doanh thua lỗ của các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác. Khoản dự phòng này được trích lập theo các quy định hiện hành có liên quan.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác và được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự và có thể không thể thanh toán các khoản nợ.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh đối với nguyên phụ liệu và phương pháp bình quân gia quyền đối với thành phẩm. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu của sản phẩm may mặc trên các công đoạn sản xuất. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị quản lý	3 - 6

**Tài sản vô hình và hao mòn**

Tài sản vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm vi tính. Tài sản vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản vô hình được ước tính từ 2,5 năm đến 5 năm.

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước thể hiện tiền thuê 22.261,9 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Dệt may Bình An thuộc Ấp Bình Thắng, Xã Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương được trả trước cho Công ty Đầu tư và Phát triển Bình Thắng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 50 năm.

Chi phí trả trước còn bao gồm chi phí thuê các cửa hàng. Chi phí thuê các cửa hàng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê theo hợp đồng.

500-  
NHÀ  
NG T  
HIỆM H  
OIT  
T N  
TP. HỒ

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả thể hiện các khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tổng Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ là doanh thu từ hoạt động gia công, thu nhập từ việc cho thuê máy móc thiết bị, cho thuê nhà, kho. Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ**

Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	733.957.538	248.799.696
Tiền gửi ngân hàng	113.211.982.329	149.353.416.906
Các khoản tương đương tiền	104.800.000.000	-
	<u><b>218.745.939.867</b></u>	<u><b>149.602.216.602</b></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ, có kỳ hạn không quá 1 tháng và hưởng lãi suất lần lượt là 1%/năm và 0%/năm.

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam, có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm và hưởng lãi suất bình quân 5,12%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: USD 0,25%/năm).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	340.438.657.406	409.655.188.454
b. Phải thu bên thứ ba		
- Mitsubishi Corporation (LXH-A)	265.391.129.241	193.670.224.880
- Các khách hàng khác	219.146.682.763	218.212.849.486
	<b><u>824.976.469.410</u></b>	<b><u>821.538.262.820</u></b>

**8. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN VÀ VỐN KINH DOANH Ở ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Phải thu nội bộ ngắn hạn VND	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc VND	Phải thu nội bộ ngắn hạn VND	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc VND
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	121.265.022.472	10.373.912.077	136.327.005.307	10.373.912.077
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK MS	515.593.660	624.000.000	479.620.120	624.000.000
	<b><u>121.780.616.132</u></b>	<b><u>10.997.912.077</u></b>	<b><u>136.806.625.427</u></b>	<b><u>10.997.912.077</u></b>

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức (i)	92.200.000.000	95.200.000.000
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á (ii)	18.000.000.000	24.000.000.000
Công ty TNHH MTV Việt Khánh (iii)	63.000.000.000	-
	<b><u>173.200.000.000</u></b>	<b><u>119.200.000.000</u></b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản phải thu khác bao gồm:

- (i) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức là tiền gốc cho vay theo Hợp đồng số 01, 02, 03, 04, 05 & 06/VTEC-CKTD/2014 cùng với các phụ lục gia hạn tương ứng và hợp đồng 01/VTEC-CKTD/2015. Các khoản cho vay có thời hạn là 1 năm kể từ ngày giải ngân với lãi suất 8,5%/năm.
- (ii) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á là tiền gốc cho vay theo Hợp đồng số 04 & 05/VTEC-VTDA/2014 cùng với các phụ lục gia hạn tương ứng. Các khoản cho vay có thời hạn là 1 năm kể từ ngày giải ngân với lãi suất 6%/năm.
- (iii) Khoản phải thu Công ty TNHH MTV Việt Khánh là tiền gốc cho vay theo Hợp đồng số 01 & 02/2015-VTEC-VK/2015. Các khoản cho vay có thời hạn là 1 năm kể từ ngày giải ngân với lãi suất 0%/năm.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu tiền lãi cho vay (Thuyết minh số 34)	4.717.388.889	3.650.938.888
Phải thu người lao động	72.181.049	813.163.000
Các khoản phải thu khác	1.971.259.726	1.394.993.846
	<b>6.760.829.664</b>	<b>5.859.095.734</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Các khoản đặt cọc	40.603.278.787	40.433.899.419
	<b>40.603.278.787</b>	<b>40.433.899.419</b>

**11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	73.848.421.743	-	71.508.983.864	-
Nguyên liệu, vật liệu	129.642.068.464	-	114.164.407.678	-
Công cụ, dụng cụ	218.511.160	-	241.399.027	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	182.199.740.539	-	121.102.429.733	-
Thành phẩm	286.257.965.751	(12.275.641.290)	234.334.347.292	(13.234.173.886)
Hàng hóa	22.619.757.735	-	8.169.660.407	-
Hàng gửi bán	3.471.356.220	-	2.385.033.605	-
	<b>698.257.821.612</b>	<b>(12.275.641.290)</b>	<b>551.906.261.606</b>	<b>(13.234.173.886)</b>

Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 958.532.596 đồng (năm 2014: trích lập bổ sung 3.410.359.023 đồng).

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	149.595.326.228	346.819.716.830	16.967.296.341	10.061.190.234	523.443.529.633
Tăng trong năm	23.581.242.604	135.828.339.059	11.514.065.455	4.370.416.860	175.294.063.978
Thanh lý	-	(15.277.454.074)	-	-	(15.277.454.074)
Tại ngày 31/12/2015	<b>173.176.568.832</b>	<b>467.370.601.815</b>	<b>28.481.361.796</b>	<b>14.431.607.094</b>	<b>683.460.139.537</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	84.588.263.477	279.952.627.488	11.056.810.852	6.702.454.327	382.300.156.144
Khấu hao trong năm	10.033.554.131	68.278.191.381	2.405.861.489	2.808.036.156	83.525.643.157
Thanh lý	-	(15.277.454.074)	-	-	(15.277.454.074)
Tại ngày 31/12/2015	<b>94.621.817.608</b>	<b>332.953.364.795</b>	<b>13.462.672.341</b>	<b>9.510.490.483</b>	<b>450.548.345.227</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2015	<b>78.554.751.224</b>	<b>134.417.237.020</b>	<b>15.018.689.455</b>	<b>4.921.116.611</b>	<b>232.911.794.310</b>
Tại ngày 31/12/2014	<b>65.007.062.751</b>	<b>66.867.089.342</b>	<b>5.910.485.489</b>	<b>3.358.735.907</b>	<b>141.143.373.489</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty bao gồm một số tài sản cố định với nguyên giá là 321.063.038.286 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 272.172.415.883 đồng) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***13. TÀI SẢN VÔ HÌNH**

	Phần mềm vi tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	1.796.971.025	11.958.381.600	13.755.352.625
Tăng trong năm	875.686.751	-	875.686.751
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>2.672.657.776</b>	<b>11.958.381.600</b>	<b>14.631.039.376</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	1.796.971.025	11.958.381.600	13.755.352.625
Khấu hao trong năm	124.915.560	-	124.915.560
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>1.921.886.585</b>	<b>11.958.381.600</b>	<b>13.880.268.185</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>750.771.191</b>	<b>-</b>	<b>750.771.191</b>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản vô hình của Tổng Công ty với nguyên giá là 13.755.352.625 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 13.755.352.625 đồng) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Chi tiết tỷ lệ góp vốn và quyền biểu quyết tại các công ty con và công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

**Đầu tư vào công ty con:**

Tên	Nơi đăng ký và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Nam Thiên	Tp. Hồ Chí Minh	83,55	83,55	Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc và các sản phẩm liên quan.
Công ty TNHH May Thuận Tiến	Tỉnh Bình Thuận	82,50	82,50	Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc và các sản phẩm liên quan.
Công ty TNHH May Tiến Thuận	Tỉnh Ninh Thuận	82,50	82,50	Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc và các sản phẩm liên quan.
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	Tp. Cần Thơ	51,00	51,00	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may và các sản phẩm liên quan.
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	Tỉnh Bến Tre	25,00	66,78	Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc và các sản phẩm liên quan.





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**Đầu tư vào công ty liên kết:**

Tên	Nơi đăng ký và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	Tỉnh Bình Dương	49,00	49,00	Sản xuất, kinh doanh nhân các loại
Công ty Cổ phần May Tây Đô	Tỉnh Cần Thơ	45,83	45,83	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	Tp. Hồ Chí Minh	45,15	45,15	Sản xuất gia công cơ khí
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	40,00	40,00	Sản xuất, kinh doanh nút nhựa
Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	Tỉnh Tiền Giang	36,77	36,77	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần May Việt Tân	Tỉnh Tiền Giang	34,98	34,98	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần Việt Hưng	Tp. Hồ Chí Minh	32,53	32,53	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần Tổng hợp Ninh Thuận	Tỉnh Ninh Thuận	30,01	34,98	Kinh doanh xăng dầu, nhà hàng, khách sạn
Công ty Cổ phần May Công Tiến	Tỉnh Tiền Giang	28,38	28,38	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	Tp. Hồ Chí Minh	30,00	30,00	Sản xuất, kinh doanh Mex - Dụng
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông A	Tỉnh Đồng Nai	30,00	30,00	Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	Tỉnh Đồng Nai	26,06	26,06	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	Tỉnh Vĩnh Long	26,00	26,00	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	Tp. Hồ Chí Minh	25,24	25,24	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	Tp. Hồ Chí Minh	20,85	20,85	Sản xuất, kinh doanh nguyên phụ liệu ngành dệt may; gia công in, nhuộm vải; cho thuê kho bãi

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty TNHH May Thuận Tiến	16.500.000.000	16.500.000.000
Công ty TNHH Nam Thiên	14.309.600.000	14.309.600.000
Công ty TNHH May Tiến Thuận	17.170.500.000	17.170.500.000
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	21.145.165.240	21.145.165.240
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	2.500.000.000	2.500.000.000
	<b>71.625.265.240</b>	<b>71.625.265.240</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Chi tiết các khoản đầu vào công ty liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác và các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	23.138.840.000	23.138.840.000
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Việt Hưng	14.359.000.000	14.359.000.000
Công ty Cổ phần May Tiên Tiến	9.327.200.000	9.327.200.000
Công ty Cổ phần Tổng Hợp Ninh Thuận	7.268.031.132	7.268.031.132
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	6.780.774.959	6.780.774.959
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	6.645.000.000	6.645.000.000
Công ty Cổ phần May Công Tiến	6.460.000.000	6.460.000.000
Công ty Cổ phần May Tây Đô	6.415.500.000	6.415.500.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức	5.272.500.000	5.272.500.000
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	2.671.053.100	3.041.864.740
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	2.600.000.000	2.600.000.000
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	2.450.000.000	2.450.000.000
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	2.371.195.263	2.371.195.263
Công ty Cổ phần May Việt Tân	1.829.800.000	1.829.800.000
	<b><u>112.588.894.454</u></b>	<b><u>112.959.706.094</u></b>
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	22.146.820.000	22.146.820.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex	-	15.150.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	15.061.750.000	15.061.750.000
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Đầu Tư và Phát Triển Bình Thắng	5.764.800.000	5.764.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Vinatex	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Chí May Phong Việt	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần VDA Đà Nẵng	280.000.000	280.000.000
	<b><u>55.253.370.000</u></b>	<b><u>70.403.370.000</u></b>
	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>		
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	(1.034.640.858)	(704.652.917)
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	(557.790.196)	(1.868.201.766)
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	-	(633.799.376)
Ngân hàng TMCP Đông Á	(11.285.173.200)	(7.813.374.450)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	(5.710.677.441)	(10.203.441.441)
	<b><u>(18.588.281.695)</u></b>	<b><u>(21.223.469.950)</u></b>
Thay đổi trong khoản dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:		
	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm	21.223.469.950	20.623.306.891
Trích lập trong năm	3.801.786.691	3.851.728.157
Hoàn nhập trong năm	(6.436.974.946)	(3.251.565.098)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>18.588.281.695</u></b>	<b><u>21.223.469.950</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Chi phí thuê mặt bằng	822.551.687	18.000.000
	<u><b>822.551.687</b></u>	<u><b>18.000.000</b></u>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Chi phí thuê đất	13.101.356.732	13.497.511.988
- Chi phí thuê mặt bằng	-	41.500.000
	<u><b>13.101.356.732</b></u>	<u><b>13.539.011.988</b></u>

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	566.627.812.688	320.995.393.744
b. Phải trả bên thứ ba		
- Mitsubishi Corporation (LXH-A)	101.900.040.202	176.295.323.046
- Phải trả cho các đối tượng khác	357.814.096.794	340.239.870.306
	<u><b>1.026.341.949.684</b></u>	<u><b>837.530.587.096</b></u>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số tăng trong năm	Số thực nộp/hoàn trong năm	Khấu trừ trong năm	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>		<u>VND</u>
<b>a. Các khoản phải thu</b>					
- Thuế giá trị gia tăng	143.506.755.990	323.797.814.464	154.614.251.047	173.407.926.380	139.282.393.027
- Thuế xuất nhập khẩu	2.666.336.582	2.509.149.525	4.972.923.815	-	202.562.292
- Thuế nhà thầu	-	1.802.460	-	-	1.802.460
	<u><b>146.173.092.572</b></u>	<u><b>326.308.766.449</b></u>	<u><b>159.587.174.862</b></u>	<u><b>173.407.926.380</b></u>	<u><b>139.486.757.779</b></u>
<b>b. Các khoản phải trả</b>					
- Thuế giá trị gia tăng	-	202.867.215.916	29.459.289.536	173.407.926.380	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.037.994.051	61.534.371.364	74.412.670.974	-	4.159.694.441
- Thuế thu nhập cá nhân	2.665.670.125	12.866.703.384	13.706.962.797	-	1.825.410.712
- Các loại thuế khác	6.385.952.700	3.288.811.069	1.692.322.894	-	7.982.440.875
	<u><b>26.089.616.876</b></u>	<u><b>280.557.101.733</b></u>	<u><b>119.271.246.201</b></u>	<u><b>173.407.926.380</b></u>	<u><b>13.967.546.028</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Phải trả quyền sử dụng đất tại Hóc Môn (i)	11.958.381.600	11.958.381.600
- Phải trả tiền hỗ trợ đại lý	17.518.414.943	5.647.959.594
- Phải trả khác	11.686.846.227	3.893.861.057
- Cổ tức phải trả (ii)	126.000.000.000	84.000.000.000
	<b><u>167.163.642.770</u></b>	<b><u>105.500.202.251</u></b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Các khoản nhận đặt cọc	2.493.146.400	15.647.525.564
	<b><u>2.493.146.400</u></b>	<b><u>15.647.525.564</u></b>

- (i) Khoản phải trả cho Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với quyền sử dụng lô đất tại Ấp Mỹ Hòa 4, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh được ghi nhận căn cứ vào chứng thư thẩm định giá của Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội đề ngày 18 tháng 5 năm 2010.
- (ii) Cổ tức phải trả bao gồm cổ tức tạm tính 30% trên mệnh giá cổ phần của năm tài chính 2015 (2014: 30%) phải trả cho các cổ đông hiện hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**19. VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2015		Trong năm		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại	67.869.469.840	67.869.469.840	182.388.249.700	245.249.775.973	130.352.364.127	130.352.364.127
Vay ngắn hạn khác	61.506.128.446	61.506.128.446	-	378.631.986	61.884.760.432	61.884.760.432
	<b>129.375.598.286</b>	<b>129.375.598.286</b>	<b>182.388.249.700</b>	<b>245.628.407.959</b>	<b>192.237.124.559</b>	<b>192.237.124.559</b>

Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại nhằm mục đích thanh toán các chi phí vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh trong nước và thanh toán tiền hàng nhập khẩu. Các khoản vay này được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ với tổng hạn mức lần lượt là 300.000.000.000 đồng và 8.000.000 đô la Mỹ. Các khoản vay này không có bảo đảm và thời hạn vay là 6 tháng cho từng lần rút vốn. Lãi suất vay và thời hạn trả nợ gốc vay được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Các khoản vay ngắn hạn khác bao gồm vay Hội cựu chiến binh Tổng Công ty, Kinh phí công đoàn, Quỹ "Vì người nghèo", Quỹ Xã hội Từ thiện và huy động từ cán bộ công nhân viên Tổng Công ty. Các khoản vay này đáo hạn trong vòng 1 năm, không có bảo đảm và không chịu lãi suất.

**20. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI**

Trái phiếu chuyển đổi thể hiện giá trị 1.400.000 trái phiếu chuyển đổi bắt buộc sau 3 năm với mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu cho các cổ đông hiện hữu. Tổng Công ty đã được chấp thuận cho việc đăng ký phát hành trái phiếu này ra công chúng theo Giấy chứng nhận số 055/GCN-UBCK của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 12 tháng 12 năm 2012. Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày đáo hạn là 1:10. Trái phiếu được hưởng lãi suất cố định 5%/năm và nhận lãi tại ngày đáo hạn vào ngày 01 tháng 02 năm 2016.

Thông tư 200 hướng dẫn ghi nhận tách biệt giá trị của thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của trái phiếu chuyển đổi bắt buộc khi trình bày trên báo cáo tài chính. Theo đó, giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất chiết khấu. Giá trị phần vốn chủ sở hữu của trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị phần nợ phải trả của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành. Việc kế toán trái phiếu chuyển đổi như trên được thực hiện từ năm 2015 trở đi, đối với trái phiếu chuyển đổi đã phát hành từ những năm trước không bắt buộc phải hồi tố để tính toán lại số dư và các ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện số dư khoản dự phòng phải trả trợ cấp thôi việc được trích lập theo chính sách kế toán của Tổng Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**MẪU B 09-DN**

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	280.000.000.000	24.469.859.758	1.693.895.152	14.953.912.314	170.073.325.008	28.000.000.000	519.190.992.232
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	225.506.301.369	-	-	225.506.301.369
Trích thêm cổ tức 5% vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế năm 2013	-	-	-	(14.000.000.000)	-	-	(14.000.000.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của năm 2014	-	-	-	(84.000.000.000)	-	-	(84.000.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	(124.028.465.753)	67.651.890.411	-	(56.376.575.342)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>280.000.000.000</b>	<b>24.469.859.758</b>	<b>1.693.895.152</b>	<b>18.431.747.930</b>	<b>237.725.215.419</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>590.320.718.259</b>
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	-	-	-	28.000.000.000	(28.000.000.000)	-
<b>Tại ngày 31/12/2014 sau khi phân loại lại</b>	<b>280.000.000.000</b>	<b>24.469.859.758</b>	<b>1.693.895.152</b>	<b>18.431.747.930</b>	<b>265.725.215.419</b>	-	<b>590.320.718.259</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	240.751.339.254	-	-	240.751.339.254
Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của năm 2015	-	-	-	(126.000.000.000)	-	-	(126.000.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	(132.413.236.590)	72.225.401.776	-	(60.187.834.814)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>280.000.000.000</b>	<b>24.469.859.758</b>	<b>1.693.895.152</b>	<b>769.850.594</b>	<b>337.950.617.195</b>	-	<b>644.884.222.699</b>

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã đề xuất mức chia cổ tức cho năm 2015 là 30% (năm 2014: 30%) trên vốn điều lệ của Tổng Công ty tương đương 126.000.000.000 đồng (năm 2014: 84.000.000.000 đồng). Trong năm 2015, số cổ tức trên chưa được thanh toán cho các chủ sở hữu (năm 2014: 84.000.000.000 đồng). Đồng thời, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng theo hiệu quả kinh doanh lần lượt với tỷ lệ 30%, 20% và 5% trên lợi nhuận sau thuế của năm 2015 phù hợp với điều lệ của Tổng Công ty. Theo quy định của Thông tư 200, Tổng Công ty không trích lập quỹ dự phòng tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và số dư quỹ dự phòng tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được chuyển vào quỹ đầu tư phát triển. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**VIỆT TIẾN**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Số lượng cổ phần, tỉ lệ nắm giữ và vốn góp của các cổ đông của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2015 và 31/12/2014		
	Cổ phần	%	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	13.405.920	47,88	134.059.200.000
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	3.965.000	14,16	39.650.000.000
Tungshing Sewing Machine Co., Ltd. (Hong Kong)	2.783.000	9,94	27.830.000.000
Khác	7.846.080	28,02	78.460.800.000
	<b>28.000.000</b>	<b>100</b>	<b>280.000.000.000</b>

**Cổ phần**

	31/12/2015	31/12/2014
Được phép phát hành:		
Số lượng - cổ phần	28.000.000	28.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>280.000.000.000</u>	<u>280.000.000.000</u>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng - cổ phần	28.000.000	28.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>280.000.000.000</u>	<u>280.000.000.000</u>

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác:**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	<u>357.821.192.075</u>	<u>316.109.640.342</u>

**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2015	31/12/2014
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ ("USD")	<u>8.091.327</u>	<u>5.897.218</u>

**24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu từ bán hàng	4.831.582.247.577	4.214.730.010.875
Doanh thu gia công	1.482.575.642.618	1.204.850.881.823
	<u>6.314.157.890.195</u>	<u>5.419.580.892.698</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(3.202.461.455)	(2.775.896.293)
	<u>6.310.955.428.740</u>	<u>5.416.804.996.405</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên vật liệu	3.309.492.354.942	2.755.185.464.611
Chi phí nhân công	1.025.937.759.202	835.064.709.877
Chi phí khấu hao	81.229.069.447	48.432.796.809
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.618.266.551.824	1.475.036.012.511
Chi phí khác	122.985.692.820	95.679.188.198
	<b><u>6.157.911.428.235</u></b>	<b><u>5.209.398.172.006</u></b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.260.896.615	10.447.255.828
Lãi do chuyển nhượng vốn	10.983.750.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	38.623.790.172	29.747.112.387
Lãi chênh lệch tỷ giá	49.688.327.624	20.496.733.586
	<b><u>113.556.764.411</u></b>	<b><u>60.691.101.801</u></b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	7.000.145.888	7.000.114.719
Dự phòng đầu tư tài chính	3.801.786.691	3.851.728.157
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(6.436.974.946)	(3.251.565.098)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	30.912.002.048	17.906.446.385
Chi phí tài chính khác	2.120.000.000	1.755.000.000
	<b><u>37.396.959.681</u></b>	<b><u>27.261.724.163</u></b>

**28. THU NHẬP KHÁC**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	1.123.000.000	297.636.361
Thu nhập từ tài sản dùng cho thuê	10.466.954.906	8.330.366.620
Các khoản thu khác	532.995.038	2.179.809.914
	<b><u>12.122.949.944</u></b>	<b><u>10.807.812.895</u></b>

**29. CHI PHÍ KHÁC**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Khấu hao tài sản dùng cho thuê	2.421.489.270	4.463.875.797
Các khoản chi khác	1.771.394.504	1.628.675.971
	<b><u>4.192.883.774</u></b>	<b><u>6.092.551.768</u></b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân công	49.369.015.662	41.410.626.160
Chi phí đi thuê	26.285.617.901	24.917.462.802
Chi phí bán hàng khác	138.411.728.503	149.639.901.152
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>214.066.362.066</b>	<b>215.967.990.114</b>
Chi phí nhân công	95.482.941.085	81.644.900.677
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	67.965.983.844	47.692.309.819
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>163.448.924.929</b>	<b>129.337.210.496</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	2015 VND	2014 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>302.285.710.618</b>	<b>280.676.481.041</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
<b>Cộng:</b>	<b>17.171.772.042</b>	<b>8.856.059.822</b>
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.195.158.890	5.689.852.322
- Chênh lệch dự phòng trợ cấp thôi việc theo luật lao động và theo luật thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.411.207.500
- Chi thưởng cho các đơn vị liên kết	2.120.000.000	1.755.000.000
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	805.637.733	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu năm trước	8.050.975.419	-
<b>Trừ:</b>	<b>(38.969.885.547)</b>	<b>(37.798.087.806)</b>
- Lợi nhuận được chia từ liên kết, hợp đồng hợp tác kinh doanh	(38.623.790.172)	(29.747.112.387)
- Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	(346.095.375)	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	-	(8.050.975.419)
<b>Thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>280.487.597.113</b>	<b>251.734.453.057</b>
Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định	61.707.271.364	55.381.579.672
Trừ: các khoản chỉ cho lao động nữ	(172.900.000)	(211.400.000)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>61.534.371.364</b>	<b>55.170.179.672</b>

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% (năm 2014: 22%) trên thu nhập chịu thuế.

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>45.563.421.733</u>	<u>37.411.108.410</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	32.351.653.345	25.770.933.742
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	45.583.748.939	37.698.118.831
Sau năm năm	<u>17.158.319.574</u>	<u>17.312.122.700</u>
	<u><b>95.093.721.858</b></u>	<u><b>80.781.175.273</b></u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê nhà xưởng của Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức tại số 219 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 16.037.460.000 đồng/năm. Hợp đồng được ký với thời hạn dự kiến là 25 năm và ký hợp đồng thuê theo từng giai đoạn 05 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2013, ngày 02 tháng 01 năm 2014 và ngày 1 tháng 12 năm 2014.

- Tổng số tiền thuê các cửa hàng, văn phòng của Tổng Công ty để bán hàng, giới thiệu sản phẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Thời hạn thuê và giá thuê được quy định theo từng hợp đồng cụ thể.

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	269.375.598.286	332.237.124.559
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>(218.745.939.867)</u>	<u>(149.602.216.602)</u>
Nợ thuần	50.629.658.419	182.634.907.957
Vốn chủ sở hữu	<u>644.884.222.699</u>	<u>590.320.718.259</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<u><b>0,08</b></u>	<u><b>0,31</b></u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	218.745.939.867	149.602.216.602
Phải thu khách hàng và phải thu khác	992.568.240.176	1.004.055.389.554
Phải thu về cho vay ngắn hạn	173.200.000.000	119.200.000.000
Các khoản đầu tư tài chính	215.477.519.359	223.266.554.109
<b>Tổng</b>	<b>1.599.991.699.402</b>	<b>1.496.124.160.265</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	269.375.598.286	332.237.124.559
Phải trả người bán và phải trả khác	1.213.711.728.549	959.778.051.445
Chi phí phải trả	34.788.526.245	22.695.820.835
<b>Tổng</b>	<b>1.517.875.853.080</b>	<b>1.314.710.996.839</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ phải trả		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (“USD”)	818.933.702.500	754.325.777.422	906.423.506.900	1.024.495.012.296
Yên Nhật (“JPY”)	23.273.272.379	22.035.332.358	-	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Yên Nhật.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% (năm 2014: 1%) so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% (năm 2014: 1%) được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% (năm 2014: 1%) thay đổi của tỷ giá.

Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% (năm 2014: 1%) thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
USD	4.374.490.220	2.701.692.349
JPY	<u>(1.163.663.619)</u>	<u>(220.353.324)</u>

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Tổng Công ty đánh giá rủi ro lãi suất ở mức thấp do các khoản vay và nợ (Thuyết minh số 19 và 20) được thực hiện theo mức lãi suất thấp so với thị trường. Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay không chịu lãi suất và các khoản vay hộ cho Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến – Tung Shing (phần vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại tại thuyết minh số 19) với toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh sẽ được Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến – Tung Shing thanh toán. Khoản trái phiếu chuyển đổi thể hiện giá trị 1.400.000 trái phiếu chuyển đổi bắt buộc sau 3 năm với mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu với lãi suất cố định 5%/năm.

**Quản lý rủi ro về giá**

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	218.745.939.867	-	218.745.939.867
Phải thu khách hàng và phải thu khác	951.964.961.389	40.603.278.787	992.568.240.176
Phải thu về cho vay ngắn hạn	173.200.000.000	-	173.200.000.000
Các khoản đầu tư tài chính	177.220.000.000	38.257.519.359	215.477.519.359
	<b>1.521.130.901.256</b>	<b>78.860.798.146</b>	<b>1.599.991.699.402</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
Các khoản vay	129.375.598.286	140.000.000.000	269.375.598.286
Phải trả người bán và phải trả khác	1.211.218.582.149	2.493.146.400	1.213.711.728.549
Chi phí phải trả	34.788.526.245	-	34.788.526.245
	<b>1.375.382.706.680</b>	<b>142.493.146.400</b>	<b>1.517.875.853.080</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>145.748.194.576</b>	<b>(63.632.348.254)</b>	<b>82.115.846.322</b>
31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền	149.602.216.602	-	149.602.216.602
Phải thu khách hàng và phải thu khác	963.621.490.135	40.433.899.419	1.004.055.389.554
Phải thu về cho vay ngắn hạn	119.200.000.000	-	119.200.000.000
Các khoản đầu tư tài chính	170.880.000.000	52.386.554.109	223.266.554.109
	<b>1.403.303.706.737</b>	<b>92.820.453.528</b>	<b>1.496.124.160.265</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
Các khoản vay	192.237.124.559	140.000.000.000	332.237.124.559
Phải trả người bán và phải trả khác	944.130.525.881	15.647.525.564	959.778.051.445
Chi phí phải trả	9.279.820.835	13.416.000.000	22.695.820.835
	<b>1.145.647.471.275</b>	<b>169.063.525.564</b>	<b>1.314.710.996.839</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>257.656.235.462</b>	<b>(76.243.072.036)</b>	<b>181.413.163.426</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Hạn mức tín dụng còn lại có thể sử dụng từ các khoản vay được trình bày tại Thuyết minh số 19 là 300.000.000.000 đồng và 4.986.258 đô la Mỹ.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty TNHH Việt Tiến Meko	Công ty con
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	Công ty con
Công ty TNHH May Tiến Thuận	Công ty con
Công ty TNHH Nam Thiên	Công ty con
Công ty TNHH May Thuận Tiến	Công ty con
Công ty Cổ phần nguyên phụ liệu Dệt May Bình An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Việt Hưng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Tiên Tiến	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tổng hợp Ninh Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Công Tiến	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Tây Đô	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	Công ty liên kết
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Việt Tân	Công ty liên kết
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	Hợp tác kinh doanh
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	Hợp tác kinh doanh
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	Cổ đông chiến lược

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Doanh thu</b>		
<b><u>Các công ty con</u></b>		
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	6.002.281.743	5.847.241.764
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	1.412.126.935	6.934.423.506
Công ty TNHH May Tiến Thuận	998.665.665	1.366.105.445
Công ty TNHH Nam Thiên	414.262.223	1.993.509.322
Công ty TNHH May Thuận Tiến	<u>552.574.671</u>	<u>3.756.708.369</u>
<b><u>Các công ty liên kết</u></b>		
Công ty Cổ phần Việt Hưng	579.823.125	7.946.466.251
Công ty Cổ phần May Công Tiến	1.815.064.823	7.522.080.291
Công ty Cổ phần May Tây Đô	1.021.949.750	3.981.877.290
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	84.382.409	982.233.264
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	2.833.254.800	5.908.091.779
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	2.131.179.280	1.552.961.811
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	451.305.630	765.062.138
Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức	235.371.045	309.619.592
Công ty Cổ phần May Tiên Tiến	352.717.778	45.000.000
Công ty Cổ phần Tổng hợp Ninh Thuận	45.000.000	45.000.000
Công ty Cổ phần May Việt Tân	156.565.235	3.088.872.208
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	<u>69.096.004</u>	<u>357.889.914</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Xí Nghiệp Dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS

68.525.906

-

**Cổ đông chiến lược**

Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)

1.570.163.360.655

1.344.985.972.137

**Mua hàng****Các công ty con**

Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng

279.499.640.453

254.560.764.021

Công ty TNHH May Thuận Tiến

156.831.343.834

134.600.946.111

Công ty TNHH May Tiến Thuận

133.470.700.988

132.340.361.465

Công ty TNHH Nam Thiên

95.548.777.033

79.906.225.720

Công ty TNHH Việt Tiến Meko

856.413.649

1.620.368.212

**Các công ty liên kết**

Công ty Cổ phần May Công Tiến

253.238.755.797

226.021.091.724

Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến

198.811.251.733

157.207.677.678

Công ty Cổ phần May Tây Đô

159.891.489.088

135.559.674.779

Công ty Cổ phần May Việt Tân

141.795.535.521

120.076.018.313

Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức

26.515.096.508

21.142.956.000

Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận

9.187.797.854

7.081.086.590

Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến

5.461.615.935

4.957.427.016

Công ty Cổ phần May Việt Thịnh

4.817.317.212

3.917.281.145

Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát

-

326.093.230

Công ty Cổ phần May Tiền Tiến

-

91.900.000

**Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing

202.613.919.506

66.017.820.880

Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS

12.764.882.364

3.718.668.807

**Cổ đông chiến lược**

Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)

868.146.354.508

519.430.391.222

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Lương và các khoản phụ cấp	7.443.244.514	6.813.917.132



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải thu thương mại</b>		
<b><u>Các công ty con</u></b>		
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	20.066.646	13.470.512
Công ty TNHH May Tiến Thuận	396.350.350	305.309.334
Công ty TNHH Nam Thiên	281.100.347	3.867.496
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	-	6.512.000
Công ty TNHH May Thuận Tiến	<u>4.133.353</u>	<u>9.916.187</u>
<b><u>Các công ty liên kết</u></b>		
Công ty Cổ phần May Công Tiến	80.916.782	3.768.453.517
Công ty Cổ phần May Việt Tân	-	4.229.749.934
Công ty Cổ phần Việt Hưng	227.563.050	143.208.450
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	52.217.006	390.048.053
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	340.022.579	102.217.940
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	10.136.500	13.344.650
Công ty Liên Doanh Nút Việt Thuận	84.101.722	61.308.606
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	1.165.034.310	-
Công ty Cổ phần May Tây Đô	<u>36.570.600</u>	<u>-</u>
<b><u>Cổ đông chiến lược</u></b>		
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	<u>337.740.444.161</u>	<u>400.607.781.775</u>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
<b><u>Các công ty liên kết</u></b>		
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	92.200.000.000	95.200.000.000
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	<u>18.000.000.000</u>	<u>24.000.000.000</u>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
<b><u>Các công ty liên kết</u></b>		
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	4.040.805.556	3.650.938.888
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	676.583.333	-
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	<u>-</u>	<u>800.000.000</u>
<b>Trả trước cho nhà cung cấp</b>		
<b><u>Các công ty liên kết</u></b>		
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	-	1.470.000.000
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	<u>1.700.000.000</u>	<u>2.700.000.000</u>
<b>Ký quỹ dài hạn</b>		
<b><u>Các công ty liên kết</u></b>		
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	<u>34.575.552.000</u>	<u>34.575.552.000</u>

002  
NH  
Y  
ƯU  
H  
TE  
M  
CH



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Phải trả thương mại</b>		
<b><u>Các công ty con</u></b>		
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	91.060.236.721	65.696.530.245
Công ty TNHH May Thuận Tiến	14.143.181.633	12.666.653.441
Công ty TNHH Nam Thiên	20.388.400.138	29.047.822.816
Công ty TNHH May Tiến Thuận	7.378.131.701	7.438.984.324
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	-	548.906.089
	<u>-</u>	<u>548.906.089</u>
<b><u>Các công ty liên doanh, liên kết</u></b>		
Công ty Cổ phần May Công Tiến	16.695.777.682	1.493.534.725
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	7.075.327.003	768.637.914
Công ty Cổ phần May Tây Đô	6.899.058.282	82.145.874
Công ty Cổ phần May Việt Tân	1.941.026.221	1.717.959.110
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	5.893.159.685	-
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	702.849.864	700.787.983
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	-	5.277.756
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	433.664.436	283.611.847
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	366.678.903	11.782.000
	<u>366.678.903</u>	<u>11.782.000</u>
<b><u>Cổ đông chiến lược</u></b>		
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	393.650.320.419	200.532.759.620
	<u>393.650.320.419</u>	<u>200.532.759.620</u>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
<b><u>Công ty con</u></b>		
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	6.236.939.246	-
	<u>6.236.939.246</u>	<u>-</u>
<b>Phải trả dài hạn khác</b>		
<b><u>Công ty con</u></b>		
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	-	12.824.379.164
	<u>-</u>	<u>12.824.379.164</u>
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
<b><u>Cổ đông chiến lược</u></b>		
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	28.451.135.767	42.077.645.419
	<u>28.451.135.767</u>	<u>42.077.645.419</u>
<b>Phải thu nội bộ</b>		
<b><u>Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh</u></b>		
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	121.265.022.472	136.327.005.307
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	515.593.660	479.620.120
	<u>515.593.660</u>	<u>479.620.120</u>
<b>Phải trả nội bộ</b>		
<b><u>Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh</u></b>		
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	17.340.970.892	2.775.231.857
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK MS	3.642.574.377	1.315.060.857
	<u>3.642.574.377</u>	<u>1.315.060.857</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**35. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo Quyết định số 121/QĐ-SGDHN ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến được chấp thuận đăng ký giao dịch 28.000.000 cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần và mã chứng khoán là "VGG" tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Theo Thông báo số 196/TB-SGDHN ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2016 là ngày giao dịch chính thức đầu tiên của mã chứng khoán VGG trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("thị trường UPCoM").

Căn cứ theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2016, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã thông qua việc chuyển đổi 1.400.000 trái phiếu chuyển đổi (như trình bày tại Thuyết minh số 20) thành cổ phiếu phổ thông theo tỷ lệ chuyển đổi 01:10, giá chuyển đổi là 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày chốt danh sách trái chủ để chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu là ngày 01 tháng 02 năm 2016. Sau khi chuyển đổi, số lượng cổ phiếu và vốn điều lệ của Tổng Công ty tăng lên tương ứng 14.000.000 cổ phần và 140.000.000.000 đồng và được cập nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 9 ngày 17 tháng 03 năm 2016. Việc chuyển đổi trên đã được Tổng Công Ty thông báo và được chấp nhận bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Thông báo số 964/UBCK-QLCB ngày 02 tháng 3 năm 2016. Tổng Công ty đã thực hiện thanh toán lãi trái phiếu lũy kế là 21.000.000.000 đồng cho các trái chủ trong tháng 02 năm 2016.

**36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN PHI TIỀN TỆ**

Tiền chi mua sắm tài sản cố định trong năm không bao gồm 28.276.664.280 đồng (năm 2014: 29.259.069.149 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi trả lãi trong năm không bao gồm số tiền 7.000.000.000 đồng (năm 2014: 7.000.000.000 đồng) là chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi phát sinh trong năm nhưng chưa thực chi. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm khoản tiền 126.000.000.000 đồng (2014: 84.000.000.000 đồng) là số tiền cổ tức đã công bố mà chưa thanh toán và đã bao gồm 84.000.000.000 đồng là số cổ tức công bố năm trước và chi trả trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**37. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của báo cáo tài chính niên độ kế toán trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm hiện hành, cụ thể như sau:

Tên chỉ tiêu	Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC		Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
	Mã số	31/12/2014	Mã số	31/12/2014	
<b>I. Tài sản</b>					
1. Đầu tư ngắn hạn	121	170.880.000.000	121	170.880.000.000	-
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>					
2. Phải thu khách hàng	131	821.538.262.820	123	170.880.000.000	Phân loại lại
3. Trả trước cho người bán	132	13.298.252.660	131	821.538.262.820	Đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			132	13.298.252.660	Đổi tên
4. Các khoản phải thu khác	135	123.663.438.888	135	119.200.000.000	Phân loại lại
5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	-	136	5.859.095.734	Đổi tên và phân loại lại
6. Tài sản ngắn hạn khác	158	813.163.000	153	2.666.336.582	Phân loại lại
7. Phải thu dài hạn khác	218	-	155	-	Phân loại lại
8. Đầu tư dài hạn khác	258	70.403.370.000	216	40.433.899.419	Phân loại lại
9. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(21.223.469.950)	253	70.403.370.000	Đổi tên
10. Tài sản dài hạn khác	268	40.433.899.419	254	(21.223.469.950)	Đổi tên
			268	-	Phân loại lại

Đơn vị: VND

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃU B 09-DN

Đơn vị: VND

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Thay đổi

Mã số 31/12/2014

Mã số 31/12/2014

Tên chỉ tiêu

**II. Nợ phải trả**

1. Phải trả người bán
2. Người mua trả tiền trước
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
4. Chi phí phải trả
5. Doanh thu chưa thực hiện
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác
7. Vay và nợ ngắn hạn
8. Không có chỉ tiêu tương ứng
9. Vay và nợ dài hạn
10. Trái phiếu chuyển đổi

**II. Nợ phải trả**

1. Phải trả người bán ngắn hạn
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
4. Chi phí phải trả ngắn hạn
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn
6. Phải trả ngắn hạn khác
7. Vay ngắn hạn
8. Chi phí phải trả dài hạn
9. Vay dài hạn
10. Trái phiếu chuyển đổi

- |     |                 |     |                 |                          |
|-----|-----------------|-----|-----------------|--------------------------|
| 312 | 837.530.587.096 | 311 | 837.530.587.096 | Đổi tên                  |
| 313 | 116.209.082.202 | 312 | 116.209.082.202 | Đổi tên                  |
| 314 | 23.423.280.294  | 313 | 26.089.616.876  | Phân loại lại            |
| 316 | 9.279.820.835   | 315 | 9.279.820.835   | Đổi tên                  |
| 338 | 4.069.087.035   | 318 | 4.069.087.035   | Đổi tên và phân loại lại |
| 319 | 104.917.708.405 | 319 | 105.500.202.251 | Đổi tên và phân loại lại |
| 311 | 192.237.124.559 | 320 | 192.237.124.559 | Đổi tên                  |
| 334 | 153.416.000.000 | 333 | 13.416.000.000  | Phân loại lại            |
| 339 | -               | 338 | -               | Đổi tên và phân loại lại |
|     |                 | 339 | 140.000.000.000 | Phân loại lại            |

**III. Vốn chủ sở hữu**

- Không có chỉ tiêu tương ứng
1. Quỹ đầu tư phát triển
  2. Quỹ dự phòng tài chính

**III. Vốn chủ sở hữu**

1. Cổ phiếu phổ thông có quyền
  2. Quỹ đầu tư phát triển
- Không có chỉ tiêu tương ứng

- |     |                 |      |                 |               |
|-----|-----------------|------|-----------------|---------------|
| 417 | 237.725.215.419 | 411a | 280.000.000.000 | Phân loại lại |
| 418 | 28.000.000.000  | 418  | 265.725.215.419 | Phân loại lại |
|     |                 |      | -               | Phân loại lại |



Nguyễn Bích Thủy  
Người lập



Nguyễn Trâm Anh  
Kế toán trưởng



Bùi Văn Tiên  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 3 năm 2016

